TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯỚNG HÓA** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2018
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Xuân Long;
2. Ông Nguyễn Thái Học;

- Thư ký phiên toà*:* Bà Bùi Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đợi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D; sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn 5, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quang S; sinh năm 1971; Địa chỉ: thôn 5, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị: có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị D trình bày trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và Anh Nguyễn Quang S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống như vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cải vã, xúc phạm

lẫn nhau. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với Anh Nguyễn Quang S nên Chị Nguyễn Thị D yêu cầu được ly hôn Anh Nguyễn Quang S.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và Anh Nguyễn Quang S có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang D2, sinh ngày 20/3/1995 và cháu Nguyễn Quang C, sinh ngày 02/4/1997. Các cháu đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết đến ngày 31/8/2018 Chị Nguyễn Thị D làm đơn xin rút yêu cầu về việc phân chia tài sản chung.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Anh Nguyễn Quang S vắng mặt và có đơn Xin xét xử vắng mặt. Trong Bản trình bày ý kiến và Đơn xin xét xử vắng mặt Anh Nguyễn Quang S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang S và Chị Nguyễn Thị D chung sống với nhau như vợ chồng năm 1993 và không đăng ký kết hôn. Yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng.

Về con chung: Anh Nguyễn Quang S và Chị Nguyễn Thị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang D2, sinh ngày 20/3/1995 và cháu Nguyễn Quang C, sinh ngày 02/4/1997. Các cháu đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị D đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Đơn xin xác nhận; 02 Giấy khai sinh (bản sao); 01Giấy CMND(bản phôtô); 01 Sổ hộ khẩu (phôtô chứng thực); 02 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (phôtô chứng thực); 01 Bản tự khai. Anh Nguyễn Quang S giao nộp cho Tòa án: 01 Bản trình bày ý kiến; 01 Đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đó là Thẩm phán đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ theo điểm e khoản 2 Điều 97 và

Điều 105 BLTTDS. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc xét xử được tiến hành công khai, công bằng.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn tuy không tham gia phiên tòa hôm nay nhưng đã có đơn trả lời yêu cầu của Tòa án, đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật HN&GĐ 2014; khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố không công nhận Chị Nguyễn Thị D và Anh Nguyễn Quang S là vợ chồng.

Đình chỉ phần yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung của Chị Nguyễn Thị D, trả lại cho chị D tiền tạm ứng án phí 2.125.000 đồng, Buộc chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, Anh Nguyễn Quang S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Việc Chị Nguyễn Thị D và Anh Nguyễn Quang S về chung sống cùng nhau là tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Tuy nhiên cho đến nay hai bên vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau thời gian về sống chung hai bên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng nên hiện không

còn chung sống cùng nhau nữa. Đến nay Chị Nguyễn Thị D xác định hai bên không thể hàn gắn nên chị làm đơn xin được giải quyết ly hôn với Anh Nguyễn Quang S.

Căn cứ vào các tài liệu Tòa án xác minh, thu thập, cũng như lời khai của đương sự đã xác định được thời gian anh S, chị D chung sống đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ theo khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị D và Anh Nguyễn Quang S.

- Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Quang S và Chị Nguyễn Thị D đều thông nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang D2, sinh ngày 20/3/1995 và cháu Nguyễn Quang C, sinh ngày 02/4/1997. Các cháu đều đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, đến ngày 31/8/2018 Chị Nguyễn Thị D đã làm đơn xin rút yêu cầu phân chia tài sản chung. Xét thấy, việc yêu cầu không phân chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu về phân chia tài sản chung; Chị Nguyễn Thị D có quyền khởi kiện lại về phân chia tài sản chung. Chị Nguyễn Thị D không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số AA/2014/0007098 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa là 2.425.000đ. Chị D được hoàn trả lại số tiền 2.125.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27, khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không công nhận Chị Nguyễn Thị D và Anh Nguyễn Quang S là vợ chồng.

2. Đình chỉ xét xử về yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng. Chị Nguyễn Thị D có quyền khởi kiện lại về phân chia tài sản chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số AA/2014/0007098 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa là 2.425.000đ. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D được hoàn trả lại số tiền 2.125.000đ *(Hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).*

4. Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quang S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND H.Hướng Hóa;
- Chi cục THADS H. Hướng Hóa;
- UBND xã Thuận, huyện Hướng Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trung